

## LỊCH SỬ CỔ TRUNG ĐẠI CHÂU ÂU- NHỮNG NÉT ĐẶC THÙ

TS. Cao Văn Liên  
*Học viện Báo chí tuyên truyền*

Châu Âu là châu lục nhỏ so với châu Á, châu Mỹ, châu Phi, diện tích 10.498.000 km<sup>2</sup> gồm nhiều bán đảo và hải đảo. Dân số khoảng 750 triệu người. Toàn bộ lục địa châu Âu là phần kéo dài về hướng tây của lục địa châu Á. Từ phía bắc châu Âu (Na Uy) tới phía nam (Hi Lạp) dài 4.000 km, từ phía tây (Bồ Đào Nha) đến phía đông (Nga) dài khoảng 5.000 km. Trong châu lục có những nước cực lớn như nước Nga. Chỉ tính riêng phần diện tích ở châu Âu của Nga là 4 triệu km<sup>2</sup> với dân số 100 triệu người (toàn bộ diện tích của Nga hơn 17 triệu km<sup>2</sup> dân số 150 triệu người). Biên giới các quốc gia châu Âu biến động rất nhiều. Thời kỳ cận đại, một số quốc gia ngày nay không tồn tại độc lập: Nam Tư, Séc, Slôvakia, Hunggari trở thành quốc gia sau Đại chiến thế giới thứ Nhất (1914-1918). Nước Áo bị thu hẹp lãnh thổ. Châu Âu tồn tại ba hệ ngôn ngữ chính là: Tiếng Đức trong đó bao gồm ngôn ngữ Đức, Đan Mạch, Thụy Điển và Anh; Hệ ngôn ngữ Slavơ bao gồm tiếng Ba Lan, Bungari, Séc, Slôvennia, Slôvakia, Sécbi, Crôatia, Nga; Hệ ngôn ngữ

Latinh bao gồm tiếng Italia, Tây Ban Nha, Rumani, Pháp. Thứ ngôn ngữ này được gọi là ngôn ngữ Rôma vì thời cổ đại được dùng trong đế quốc La Mã rộng lớn. Các dân tộc châu Âu là dòng giống của đại chủng tộc lớn là Ôrôpôit bao gồm nhiều tiểu chủng và loại hình nhân chủng. Ngoài ra còn rất nhiều người châu Á di cư sang đây qua các thời kỳ lịch sử. Hơn 600 năm qua, người châu Âu cũng đã di cư tới nhiều lục địa khác trên thế giới như châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Á. Tôn giáo châu Âu thời cổ đại một thời gian khoảng gần 1.000 năm theo đa thần giáo. Từ thế kỷ I sau CN Thiên chúa giáo từ Cận Đông vượt qua Địa Trung Hải tràn sang phần Tây của đế quốc La Mã. Càng về sau vấn đề tôn giáo càng phức tạp vì bản thân Thiên chúa giáo cũng phân liệt thành nhiều giáo phái. Còn có nhiều tôn giáo khác theo vết chân di cư của người châu Á du nhập vào. Có thể thấy miền Nam châu Âu và Ban Lan phân lớn cư dân theo Cơ đốc giáo thuộc Thiên chúa giáo La Mã, miền Bắc Âu theo đạo Tin lành. Ở Hi Lạp, Nam Tư, Bungari, Nga theo

chính thống giáo. Ngoài ra còn có đạo Do Thái, đạo Hồi, Ấn Độ giáo vào châu Âu do làn sóng người châu Á di cư sang. Châu Âu là châu lục có nền kinh tế công nông nghiệp phát triển cao nhất thế giới, có mức sống cao nhất và đô thị hoá cao nhất.

Châu Âu trải qua thời tiền sử khá dài và công xã nguyên thủy tan rã muộn, gần như không đồng đều trên khắp châu lục. Mãi tới thế kỷ VIII trước CN, tại Hi Lạp mới xuất hiện giai cấp và hình thành nhà nước, còn La Mã bước vào xã hội này ở thế kỷ VI trước CN. Xã hội đầu tiên của hai quốc gia này là xã hội chiếm hữu nô lệ. Điều kiện địa lý làm cho kinh tế Hi Lạp, La Mã có đặc trưng riêng khác châu Á. Trong khi châu Á chỉ đơn thuần kinh tế nông nghiệp thì kinh tế của Hi Lạp, La Mã cổ đại là nền kinh tế nhiều thành phần công nông thương nghiệp và vận hành theo cơ chế kinh tế hàng hoá thị trường đặc biệt phát triển, bất chấp chế độ chính trị, xã hội là chế độ chiếm hữu nô lệ. Như vậy công lao phát minh ra kinh tế hàng hoá thị trường không phải là của chủ nghĩa tư bản thời kỳ cận đại mà chính là sản phẩm tất yếu khách quan do nhu cầu cuộc sống của xã hội loài người sản sinh ra ngay từ thời kỳ cổ đại.

Nhân tố kinh tế hàng hoá tác động đến sự phân hoá xã hội Hi Lạp và La Mã. Do nhiều thành phần kinh tế nên trong giai cấp chủ nô - giai cấp thống trị, áp bức, bóc lột bao gồm nhiều tầng lớp tương ứng: Tầng lớp chủ nô nông nghiệp còn gọi là quý tộc cũ (quý

tộc thị tộc) có nguồn gốc từ các quan chức xã hội nguyên thủy như tộc trưởng, tù trưởng bộ lạc, thủ lĩnh liên minh bộ lạc, thủ lĩnh quân sự. Tiếp theo là tầng lớp quý tộc mới, quý tộc công thương nghiệp. Tầng lớp này xuất thân từ bình dân giàu có lên nhờ sản xuất hàng hoá, buôn bán và cho vay nặng lãi. Trong giai cấp chủ nô có hai tầng lớp đối lập nhau sẽ ảnh hưởng to lớn đến thể chế chính trị của nhà nước chiếm hữu nô lệ Hi Lạp, La Mã sau này.

Giải cấp thứ hai ở Hi Lạp, La Mã là bình dân bao gồm nông dân và thị dân. Công xã nguyên thủy Hi Lạp, La Mã tan rã muộn, mọi điều kiện đã chín muồi cho nên công xã nguyên thủy ở đây giải thể một cách triệt để, tức là chế độ tư hữu phát triển mạnh mẽ, công xã nông thôn ở Hi Lạp, La Mã không còn đúng nghĩa của nó, ở đó tồn tại sở hữu tư nhân không chỉ của chủ nô mà còn của nông dân. Do đó nông dân là người dân tự do, là những công dân của nhà nước. Họ được hưởng quyền chính trị, quyền bầu cử, ứng cử vào các chức vụ và các cơ quan nhà nước. Trong cuộc đấu tranh chính trị để lựa chọn hình thức nhà nước, bình dân là đồng minh của tầng lớp chủ nô công thương nghiệp, ngân hàng.

Chế độ chiếm hữu nô lệ ở Hi Lạp, La Mã là điển hình, biểu hiện trước hết ở giai cấp nô lệ. Nô lệ ở Hi Lạp, La Mã rất đông. Họ có tính chất chung của nô lệ thế giới. Theo pháp luật họ không được thừa nhận là

con người, bị cưỡng bức lao động khổ sai, không được hưởng phần nào giá trị mà họ làm ra. Nhưng nô lệ ở Hi Lạp, La Mã đóng vai trò chính trong việc sản xuất ra của cải vật chất của xã hội. Nô lệ lao động sản xuất ở khắp mọi nơi, ở hầu hết các ngành kinh tế. Trong sản xuất nông nghiệp, ở mỗi đại điền trang có chủ nô sử dụng hàng vạn nô lệ. Nô lệ lao động sản xuất trong các xưởng thủ công nghiệp, nô lệ bị xiềng xích vào những thuyền buôn để chèo thuyền vận tải hàng hoá để chủ nô buôn bán ở các thị trường Nam Âu - Bắc Âu, Địa Trung Hải... Nô lệ bị xiềng xích vào các tàu chiến để chèo các chiến thuyền trong thủy binh La Mã. Nô lệ bị buộc phải giao đấu với nhau hoặc với mãnh thú cho đến chết ở các đấu trường để chủ nô La Mã tiêu khiển. Hiển nhiên cũng có một số lượng nhất định nô lệ phục dịch hầu hạ trong các gia đình quyền quý chủ nô quan lại. Tóm lại với một nền kinh tế công nông thương nghiệp phát triển, nô lệ Hi Lạp, La Mã đóng vai trò chính trong sản xuất. Nhà nước và chủ nô bóc lột chủ yếu là bóc lột nô lệ.

Đặc điểm xã hội chiếm hữu nô lệ Hi Lạp, La Mã đã ảnh hưởng đến thiết chế chính trị nhà nước. Trong xã hội và trong giai cấp chủ nô đã diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa một bên là tầng lớp chủ nô nông nghiệp muốn thiết lập một nền quân chủ với bên kia là chủ nô công thương nghiệp được bình dân ủng hộ muốn thiết lập nền cộng hoà. Trong cuộc đấu tranh đó ở Athen, chủ nô công thương nghiệp và bình dân thu được thắng lợi

triệt để nên đã thiết lập được nhà nước cộng hoà dân chủ chủ nô. Ở thành bang Spác (Hi Lạp) cũng như ở La Mã, chủ nô công thương và bình dân thắng lợi không triệt để, chủ nô nông nghiệp vẫn nắm một số cơ quan quan trọng của bộ máy nhà nước nên chỉ thiết lập được nền cộng hoà quý tộc chủ nô. Như vậy nếu chế độ chiếm hữu nô lệ châu Á thiết lập được nền quân chủ chuyên chế tập quyền thì ở Nam Âu thiết chế chính trị là nhà nước cộng hoà. Mãi tới thế kỷ I trước CN, La Mã mới thiết lập được chế độ độc tài và nền quân chủ.

Chế độ nô lệ La Mã gắn liền với chủ nghĩa đế quốc bành trướng. Đế quốc La Mã dùng sức mạnh quân sự tiến hành chiến tranh xâm lược mở rộng lãnh thổ, nô dịch bóc lột các dân tộc khác. Tới thế kỷ II trước CN, biên giới La Mã phía bắc vươn tới sông Ranh, phía nam giáp với sa mạc Sahara (châu Phi), phía đông nam vươn tới Luông Hà.

Nền kinh tế công thương nghiệp và nền chính trị dân chủ đã tạo điều kiện cho văn hoá Hi Lạp phát triển đặc sắc, rực rỡ. Văn hoá Hi Lạp còn ảnh hưởng rộng lớn đến các quốc gia phương Đông theo bước chân xâm lược của quân viễn chinh Maxêđonia dưới thời hoàng đế Alếchxanđơ. Sau khi xâm lược Hi Lạp vào thế kỷ II trước CN, La Mã tiếp thu và phát triển văn hoá Hi Lạp lên một đỉnh cao mới. Hi Lạp, La Mã thành hai trung tâm lớn của nền văn minh thế giới cổ đại, đặt nền tảng cho toàn bộ nền văn hoá châu Âu

thời cận đại. Chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã khủng hoảng và sụp đổ vào thế kỷ V sau hơn 1.000 năm tồn tại, châu Âu bước sang xã hội phong kiến. Quá trình phong kiến hoá diễn ra từ bên trong đế quốc La Mã và sự can thiệp từ bên ngoài. Những năm đầu công nguyên, chế độ này khủng hoảng trầm trọng, nô lệ khổ cực bất mãn đã ra sức phá hoại sản xuất. Chủ nô buộc phải giao ruộng đất cho họ cày cấy và thu tô. Chủ nô khi làm như vậy đã biến thành phong kiến, còn nô lệ thì biến thành nông nô. Ở bên ngoài khi đế quốc La Mã sụp đổ, các bộ tộc Giécmanh từ phía đông và đông bắc của đế quốc đã tấn công vào bên trong, xâm chiếm đất đai của người La Mã, lập nên những vương quốc phong kiến, tiêu biểu nhất là Vương quốc Phơrăng do Clôvít đứng đầu. Vương quốc Phơrăng của Clôvít, sau này đến Sáclômanhơ là những người đã đặt nền tảng cho chế độ phong kiến Tây Âu.

Đặc điểm của chế độ phong kiến Tây Âu là chế độ tư hữu về ruộng đất phát triển mạnh mẽ, nhà vua không nắm được quyền sở hữu tối cao về ruộng đất trong toàn quốc. Khi đem ruộng đất phân phong, ban cấp cho các tướng lĩnh, hoàng thân quốc thích, các đại thần thì nhà vua không còn quyền sở hữu đối với ruộng đất đó nữa, quyền sở hữu thuộc quyền người được phân phong ruộng đất. Họ thành lập nên những lãnh địa và họ trở thành lãnh chúa phong kiến. Từ đặc điểm này dẫn đến một đặc điểm khác là thế lực, chính

quyền trung ương của hoàng đế phương Tây không mạnh mẽ như chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền của châu Á. Thế lực lãnh chúa phong kiến Tây Âu vô cùng mạnh mẽ, dẫn đến một thời kỳ chia cắt đất nước (cát cứ) lâu dài suốt 6 thế kỷ, từ thế kỷ IX đến thế kỷ XV của Anh và Pháp, có nước như Đức, Italia bị chia cắt đến thế kỷ XIX, tức là gần 10 thế kỷ. Trong thời kỳ cát cứ, mỗi lãnh địa là một vương quốc riêng biệt với nền kinh tế nông nghiệp tự túc tự cấp, với quyền lực của lãnh chúa là vô thượng. Hoàng đế cũng chỉ là một lãnh chúa bình thường, quyền lực không vươn quá khỏi lãnh địa của mình. Khác với châu Á, tất cả đều là thần dân của Hoàng đế thì ở Tây Âu Hoàng đế chỉ nắm được những bề tôi của mình, còn những vây cánh của bề tôi thì Hoàng đế không thể biết, càng không thể nắm được họ. “Bồi thần của bồi thần không phải là bồi thần của ta” là câu cửa miệng của các Hoàng đế Tây Âu.

Chế độ ruộng đất tư hữu phát triển mạnh cho nên công xã nông thôn Tây Âu bị giải thể triệt để, hầu như không còn ruộng đất công nữa. Hoàng đế không có quyền sở hữu tối cao ruộng đất công xã nên cũng không thể bóc lột được nông dân công xã. Công xã cũng không là chỗ dựa vững chắc cho chính quyền trung ương để nó tồn tại lâu dài kiểu châu Á. Công xã đã nằm trong lãnh địa của lãnh chúa, quyền sở hữu ruộng đất là của lãnh chúa và nông dân công xã trong lãnh địa đã bị lãnh chúa nông nô hoá, chịu sự áp bức bóc lột tàn khốc của lãnh chúa. Như vậy ở

châu Á, công xã nông thôn có quyền tự trị, có ruộng đất công, nông dân không bị nông nô hoá, dù đất đó có bị phong cấp cho công thần, trong khi đó công xã Tây Âu có tình hình hoàn toàn ngược lại. Hơn nữa Hoàng đế Tây Âu không được xem là thần thánh. Các Hoàng đế thừa nhận thế lực thiên chúa giáo của Giáo Hoàng là một thế lực tinh thần tối cao ngự trị trên cả Hoàng đế và thần dân. Điều này làm cho chế độ quân chủ chuyên chế Tây Âu chỉ là một lực lượng thế tục hoàn toàn không mang tính chất quyền uy thần thánh như các Hoàng đế châu Á. Vì thế, chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền ở các nước Tây Âu càng thêm suy yếu.

Thời kỳ cát cứ là thời kỳ phát triển cao nhất của chế độ phong kiến Tây Âu. Trong thời kỳ này nó bộc lộ cao độ những bản chất cố hữu của chế độ phong kiến: Đặc quyền, đặc lợi, thói chính trị gia trưởng với những lãnh địa đóng kín cùng nền kinh tế tự nhiên nông nghiệp, trong đó những tên lãnh chúa quý tộc kiêu ngạo, hợm hĩnh trong tối tăm, ngu dốt, đặc quyền và tàn bạo. Bên cạnh đó thế lực Thiên chúa giáo to lớn bao trùm lên chế độ phong kiến Tây Âu nói riêng và toàn châu Âu nói chung. Luật lệ, giáo lý, phong tục, tập quán của Nhà thờ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và phong tục tập quán toàn xã hội và của từng gia đình. Nông dân cày ruộng và nộp thuế 1/10 cho Nhà thờ. Toà án Giáo hội sẵn sàng trừng phạt bất cứ ai chống lại hoặc nói trái điều Kinh thánh đã dạy bằng biện pháp rút phép thông công hoặc đưa lên

dàn lửa thiêu sống. Triết học kinh viện, một thứ triết học duy tâm thoát ly thực tế, chỉ biện hộ cho tôn giáo mà thôi. Trong thời kỳ cát cứ, văn hoá Hi Lạp suy tàn, thành thị phồn vinh thời cổ đại sụp đổ, khắp nơi thành quách lâu đài đen kịt với những tên lãnh chúa kém học hành chỉ mang áo giáp sắt nặng nề lên ngựa cầm trường thương đi chiến trận tranh giành đất đai, mở rộng lãnh địa, lúc ngừng chiến hoà bình thì tỉ thí với nhau trên đấu trường hay uống rượu là trò giải trí vui chơi duy nhất. Trong các lãnh địa lãnh chúa có toàn quyền đối với nông dân và gia đình họ. Như lãnh chúa Pháp có tới 300 đặc quyền đối với nông nô ghi trên giấy tờ. Nông dân Tây Âu bị lãnh chúa biến thành nông nô, bị áp bức bóc lột nặng nề, bị những đặc quyền của lãnh chúa chà đạp nhân phẩm, xúc phạm danh dự. Bên cạnh đó Nhà thờ giúp lãnh chúa trói buộc nông nô về tinh thần, cho nên mâu thuẫn trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu là mâu thuẫn giữa nông dân với lãnh chúa, với nhà nước phong kiến. Nông dân đã vùng dậy khởi nghĩa, tiến hành chiến tranh chống chế độ phong kiến. Khởi nghĩa nông dân ở Anh, Pháp, lớn nhất là cuộc khởi nghĩa Pugátốp ở Nga dưới thời nữ hoàng Catorinna đệ nhị. Khởi nghĩa nông dân đôi khi to lớn phát triển thành chiến tranh nông dân rộng lớn: chiến tranh nông dân ở Đức năm 1524-1256. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng chiến tranh nông dân Tây Âu đều mang mâu sắc tôn giáo như chiến tranh nông dân Đức bùng nổ dưới lá cờ đạo

Canvanh chống lại đạo Thiên chúa chính thống. Thực chất các cuộc khởi nghĩa nông dân và chiến tranh Tây Âu vẫn là cuộc đấu tranh giai cấp, sự vùng dậy của nông dân chống phong kiến, đòi ruộng đất dân chủ, chống áp bức bóc lột. Ngọn lửa căm thù của họ phần lớn trút vào, đốt cháy các lãnh địa của bọn lãnh chúa.

Do bị chia cắt và nhiều lý do khác, nhà nước quân chủ tập quyền chuyên chế Tây Âu suy yếu, không đủ sức mạnh bóp chết những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Do đó từ thế kỷ XI trở về sau, trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu ra đời và phát triển những nhân tố kinh tế tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ phường hội thủ công thời phong kiến đã tiến tới ra đời công xưởng thủ công. Công xưởng thủ công là hình thức sản xuất, bóc lột đầu tiên của chủ nghĩa tư bản. Trong công xưởng thủ công một chủ tư bản có thể sử dụng từ 50.100 đến 1.000 công nhân hoặc nhiều hơn và người chủ đã bóc lột giá trị thặng dư đối với người thợ. Trong công xưởng thủ công, mỗi người thợ chỉ được làm một chi tiết của sản phẩm, sau đó lắp ráp lại mới thành một sản phẩm hoàn thiện. Sản phẩm đã được xã hội hoá. Lao động xã hội hoá này sẽ tạo tiền đề cho sự ra đời máy móc sau này. Cùng với sự hình thành công xưởng thủ công thì lập tức cũng hình thành nên những trung tâm buôn bán. Ngân hàng ra đời phục vụ cho vay vốn sản xuất, buôn bán. Những trung tâm phát triển thành thị trấn và sau lớn mạnh

phồn vinh trở thành đô thị. Thành thị mới ra đời. Người ta còn khôi phục lại những thành thị cổ xưa của Hi Lạp, La Mã. Thành thị có vai trò thúc đẩy chủ nghĩa tư bản phát triển, là trung tâm sản xuất buôn bán, giao dịch, ngân hàng, nơi ra đời nền văn hoá tư sản. Tây Âu khi đó đã có những đô thị lớn như London, thành phố này thế kỷ XVIII đã có tới 64 vạn dân, Manchestơ, Livopun... (Anh), Paris, Liông, Mácxây, Boócđô... (Pháp), Layđen, Anvec, Amsteddam... Hà Lan. Những trường đại học lớn đầu tiên cũng ra đời ở các đô thị: Đại học Paris (Pháp), Oshpovts (Anh). Thành thị cũng là nơi ra đời những giai cấp, tầng lớp mới của xã hội: tư sản, thị dân, trí thức. Cùng với sự phát triển của sản xuất, tích lũy tư bản nguyên thủy cũng tăng lên gấp bội do thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Hà Lan đẩy mạnh việc cướp bóc ở châu Mỹ, châu Phi và châu Á. Đặc biệt sau những phát kiến địa lý của Coristóp Còlombô, Magienlăng, Vátscôđa Gama, những cuộc cướp bóc xâm lược của thực dân châu Âu đối với những châu lục trên ngày càng mạnh mẽ, làm cho lượng vàng bạc ở Tây Âu tăng lên đột ngột, tạo nên cuộc "Cách mạng giá cả" hàng hoá tăng giá vùn vụt, cung không đủ cho cầu buộc phải đẩy mạnh sản xuất làm cho sản xuất tư bản càng thêm phát triển.

Nên kinh tế tư bản ra đời làm cho xã hội phân hoá mạnh mẽ, ra đời giai cấp mới tư sản và tầng lớp thị dân bên cạnh nông dân và quý tộc phong kiến vốn có từ trước. Giai cấp tư

sản không chỉ giàu có về kinh tế mà ngày càng lớn mạnh về tư tưởng, là giai cấp sẽ đóng vai trò trung tâm trong sự chuyển biến xã hội Tây Âu sau này. Vào thế kỷ XV-XVI, chủ nghĩa tư bản Tây Âu ngày càng lớn mạnh bắt đầu tấn công vào chế độ phong kiến. Lãnh chúa phong kiến giàu có mở toang cánh cửa lãnh địa, mua hàng hoá phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt xa xỉ của bản thân và gia đình. Kinh tế hàng hoá làm thay đổi cuộc sống quý tộc từ sinh hoạt đơn giản đến sinh hoạt xa hoa, cầu kỳ, nhiều nghi thức xã giao. Kinh tế hàng hoá liên kết quốc gia thành một thị trường thống nhất. Ph.Ăngghen có lý khi ông viết rằng: Trước khi những viên đại bác của cách mạng tư sản san bằng những thành trì lãnh địa phong kiến thì kinh tế hàng hoá đã làm cho nó sụp đổ từ lâu rồi. Chủ nghĩa tư bản ra đời làm xuất hiện những tiền đề kinh tế, xã hội cho việc thống nhất đất nước. Bản thân các Hoàng đế Anh, Pháp sau này phải dựa vào giai cấp tư sản, thị dân để họ cung cấp tiền bạc, lực lượng đấu tranh chống lãnh chúa thống nhất đất nước. Như vậy, ngược lại với chế độ phong kiến châu Á kìm hãm bóp chết nền kinh tế tư bản thì ở Tây Âu chế độ phong kiến trong giai đoạn thế kỷ XIV-XV lại đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hoá do nhu cầu tiêu dùng, do nhu cầu thống nhất quốc gia, thiết lập lại chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền. Dựa vào sự giúp đỡ của tư sản, thị dân, các Hoàng đế Anh, Pháp đã tiến hành những cuộc đấu tranh lâu dài bằng chiến

tranh, bằng cải cách hành chính, tư pháp. Cuối cùng vào thế kỷ XV, Anh, Pháp đã dẹp được các thế lực lãnh chúa, thống nhất đất nước, xây dựng được quốc gia phong kiến tập quyền. Nhưng ở Tây Âu, khi xây dựng được quốc gia phong kiến thống nhất tập quyền thì chế độ phong kiến đã bước sang giai đoạn suy tàn, khác với châu Á khi thống nhất đất nước xây dựng được chính quyền trung ương tập quyền là lúc chế độ phong kiến hùng mạnh. Sự suy yếu của chế độ phong kiến Tây Âu biểu hiện ở cơ sở của nó nền kinh tế nông nghiệp tự nhiên đang bị kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa tàn phá, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch đi lên không có lợi cho kinh tế phong kiến. Văn hoá giáo hội phong kiến đang bị văn hoá của giai cấp tư sản tấn công, biểu hiện rõ nét là phong trào văn hoá Phục hưng ở Tây Âu kéo dài suốt thế kỷ XV, XVI, XVII. Văn hoá Phục hưng đề cao chủ nghĩa nhân văn, đòi tự do cho con người. Sự tiến bộ của khoa học tự nhiên, đặc biệt là thiên văn học đã giáng những đòn chí mạng vào hệ thống tư tưởng phong kiến Giáo hội mà đại diện là Nhà thờ Thiên chúa giáo. Khi giai cấp phong kiến ngày càng suy yếu phản động thì nó phải đối mặt với kẻ thù giai cấp là giai cấp tư sản giàu có về kinh tế, tiên tiến về tư tưởng chính trị. Sau lưng tư sản là một đội quân hùng hậu nông dân, thợ thủ công, thị dân, những lực lượng đông đảo nhất trong xã hội sẵn sàng chiến đấu dưới ngọn cờ tư sản để lật đổ chế độ phong kiến. Cuối cùng là cơ cấu chính trị của chế độ phong kiến tập quyền

Tây Âu khi thống nhất được quốc gia không còn đơn thuần là cơ cấu chính trị phong kiến. Các thành thị đấu tranh giành được quyền tự trị, thành lập bộ máy hành chính hoàn toàn khác với chính trị phong kiến. Đó là những mầm mống của các nhà nước cộng hoà tư sản trong tương lai.

Những nhân tố kinh tế văn hoá của xã hội tư bản chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh trong lòng xã hội phong kiến, tạo nên mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiên tiến tư sản với quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời kìm hãm nó. Mâu thuẫn cơ bản này biểu hiện thành mâu thuẫn xã hội, mâu thuẫn giai cấp giữa giai cấp tư sản, nông dân thị dân với giai cấp phong kiến quý tộc. Giai cấp tư sản đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến, thành lập các nhà nước tư sản. Như vậy chế độ phong kiến Tây Âu ra đời muộn, nhưng bị cách mạng tư sản sớm lật đổ. Tây Âu lạc hậu sớm trở thành những cường quốc tư bản chủ nghĩa tiên tiến. Điều này cốt nghĩa vì sao Tây Âu có những bước đi nhanh hơn lịch sử châu Á và các châu lục khác.

Cách mạng tư sản Hà Lan năm 1566-1609 lật đổ ách thống trị thuộc địa phong kiến Tây Ban Nha, Hà Lan trở thành quốc gia tư sản độc lập đầu tiên ở châu Âu và trên thế giới. Cách mạng tư sản Hà Lan như cánh chim báo hiệu một thời đại mới bắt đầu, thời

đại của cách mạng tư sản. Cách mạng tư sản Anh năm 1640-1688 lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế của dòng họ Stua, kết thúc thời kỳ trung đại, mở ra thời kỳ lịch sử cận đại thế giới, một thời đại mới mà nội dung là quá độ từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản, trong đó diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp xem ai thắng ai giữa phong kiến với tư sản trên phạm vi toàn thế giới. Với Cách mạng tư sản Anh năm 1640, lịch sử trung đại phong kiến châu Âu kết thúc. Một thời đại mới không chỉ cho lịch sử châu Âu mà cho lịch sử toàn thế giới bắt đầu: Thời kỳ cận đại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Ph.Ăngghen. *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước*. Nxb Sự Thật. Hà Nội.1972.
2. Các Mác - Ph.Ăngghen và Lên Nin. *Bàn về xã hội tiền tư bản*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.1975.
3. *Các nước trên thế giới*. T.1, T.2, T.3. Nxb Sự Thật, Hà Nội.1978.
4. E.M.Zu kóp (Chủ biên). *Lịch sử trung đại châu Âu*. Nxb Khoa học.M.1972. Tiếng Nga.
5. *Lịch sử thế giới cổ đại* - Đại học Tổng hợp Hà Nội - Hà Nội.1967.